

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ VIỆC ĐÁNH GIÁ ĐỘNG CƠ THÀNH ĐẠT CỦA CON NGƯỜI

LÊ HƯƠNG*

Trong tâm lý học động cơ thành đạt (ĐCTĐ) là một loại động cơ được nghiên cứu kỹ càng nhất và cho đến nay việc nghiên cứu hiện tượng tâm lý này vẫn luôn có ý nghĩa thực tiễn thiết thực. Tại sao lại như vậy? Chỉ có thể giải thích điều này từ nhu cầu xã hội. Thực tiễn phát triển đất nước của bất kỳ dân tộc nào trên thế giới trong suốt chiều dài lịch sử của mình bao giờ cũng có nhu cầu về những con người làm việc với hiệu quả cao. Người ta đã quan tâm tới việc nghiên cứu ĐCTĐ của con người bởi nó được xem là nội lực thúc đẩy con người vươn tới sự điêu luyện, thành thạo với kết quả cao nhất trong thực hiện công việc.

Việc nghiên cứu ĐCTĐ của con người bao giờ cũng được bắt đầu bằng việc đánh giá loại động cơ này ở những nhóm khách thể mà người nghiên cứu quan tâm. Nói cách khác, người nghiên cứu phải xuất phát từ việc nhìn nhận về khái niệm ĐCTĐ, cấu trúc của hiện tượng tâm lý này và thiết kế các phương pháp đánh giá nó.

Từ lâu các nhà tâm lý học nước ngoài đã xây dựng các phương pháp khác nhau để đánh giá ĐCTĐ của con người. Phổ biến nhất là phương pháp do

D. Mclelland và J. Atkinson xây dựng nên. Hai tác giả này đã dùng các bức tranh của TAT hoặc các bức tranh phỏng theo TAT để đo nhu cầu thành đạt hay ĐCTĐ của khách thể nghiên cứu. (Trong nhiều ấn phẩm tâm lý học ở nước ngoài hai khái niệm "nhu cầu thành đạt" và "động cơ thành đạt" được dùng gần như đồng nghĩa với nhau). Theo phương pháp này ĐCTĐ được đánh giá dựa trên nội dung câu chuyện mà khách thể nghiên cứu phóng tác khi xem các bức tranh. Việc đánh giá được tiến hành theo các tiêu chí như trong câu chuyện có chứa đựng những chi tiết nói lên khát vọng thành đạt của chủ thể không, có thể hiện những xúc cảm âm tính hay dương tính liên quan đến thành tích không v.v... Mặc dù chúng ta chưa hiểu rõ về các cơ chế phóng chiếu trong tâm lý người, song có cảm nhận rằng phương pháp này mới chỉ đề cập đến những mong muốn chủ quan của con người mà không cho thấy những nhu cầu hay động cơ ẩn chứa trong các câu chuyện thật sự có thể thúc đẩy chủ thể hoạt động đến đâu... Trong khi đó dưới góc độ tâm lý học, bản thân

*TS, Viện Tâm lý học.

khái niệm "động cơ" được hiểu là không chỉ phản ánh những mong muốn nội tâm của chủ thể. Cho đến nay nội hàm khái niệm này đã được nhìn nhận tương đối thống nhất giữa các nhà tâm lý học. Động cơ - đó là khái niệm trung tâm được dùng để lý giải hành vi và các nguyên nhân của nó (3, tr.367); Bản chất của động cơ thể hiện trong tính định hướng tích cực, có chọn lọc của hành vi (2, tr. 20); Động cơ có chức năng thúc đẩy và định hướng hoạt động nhằm thoả mãn nhu cầu (1, tr.189-190). Rõ ràng khi nói đến động cơ không thể chỉ nói đến những mong muốn chủ quan được nhận thức (mặc dù những mong muốn chủ quan này đã có thể được xem là điểm khởi đầu của quá trình thúc đẩy chủ thể hoạt động), mà còn phải xem những mong muốn đó đã đạt được tính định hướng hoạt động của chủ thể hay chưa, chúng có thúc đẩy chủ thể hoạt động để đạt được những mong muốn đó hay không.

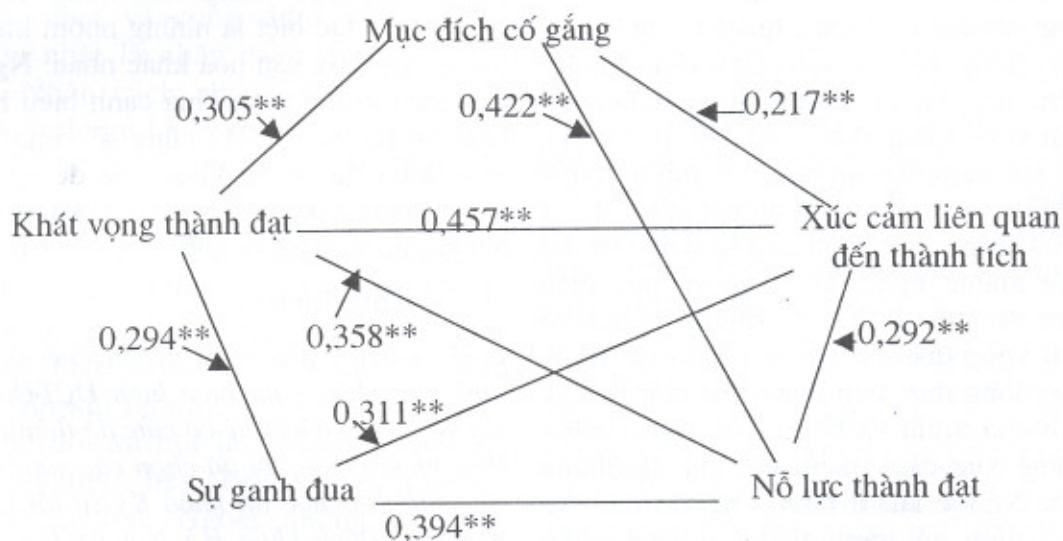
Về mặt lý thuyết, dựa trên cơ sở các kết quả nghiên cứu của một số nhà tâm lý học nước ngoài (H.A.Murray, D. Mclelland, J. Atkinson, Michael Argyle và Peter Robinson, D. Western...), quan niệm về động cơ như là hiện tượng tâm lý định hướng và thúc đẩy con người hoạt động, và dựa trên nguyên tắc về tính thống nhất giữa cái bên trong và cái bên ngoài trong tâm lý con người, chúng tôi cho rằng ĐCTĐ của con người ít nhất được thể hiện ở một số khía cạnh như khát vọng thành đạt, xúc cảm liên quan đến thành tích, mức nỗ lực thành đạt, tính ganh đua và mục đích cố gắng... Nếu như khía cạnh đầu tiên thể hiện nội dung khái quát của ĐCTĐ (ĐCTĐ được xem là loại động cơ có tính khái quát cao, thể hiện như một tính cách - X.L. Rubinstein), khía cạnh thứ 2 thể hiện những biểu hiện bên trong của động cơ (thông qua các trải

nh nghiệm xúc cảm) thì khía cạnh thứ 3 thể hiện độ mạnh của động cơ đó (những khát vọng nội tâm có thôi thúc con người nỗ lực phấn đấu hay không?). Mục đích cố gắng thể hiện sắc thái của những nỗ lực cố gắng của con người. Khi nghiên cứu ĐCTĐ của con người nhiều nhà nghiên cứu nhận thấy rằng có thể có những người cùng nỗ lực cố gắng như nhau, song mục đích của sự cố gắng đó lại khác nhau. Một số người muốn vươn tới những đỉnh cao mới, hoàn thiện những kỹ năng, trình độ chuyên môn của mình..., (mục đích vươn tới), song có người cố gắng chủ yếu vì không muốn rơi vào tình trạng thất bại (mục đích né tránh thất bại)... Vì vậy khi nghiên cứu ĐCTĐ của con người cũng cần tìm hiểu khía cạnh này. Ngoài ra trên cơ sở những kết quả nghiên cứu của mình, nhiều tác giả đã cho rằng ĐCTĐ luôn gắn liền với tính ganh đua. Khía cạnh này có thể vừa thể hiện mong muốn nội tâm, vừa thể hiện nỗ lực của con người.

Tuy nhiên, việc khảo sát của chúng tôi trên 109 sinh viên và những người lao động ở những ngành nghề khác nhau cho những kết quả đáng suy nghĩ. Khát vọng thành đạt và xúc cảm liên quan đến thành tích của khách thể nghiên cứu là những khía cạnh có tương quan thuận với nỗ lực thành đạt, và tính ganh đua của họ (hệ số tương quan giữa khát vọng thành đạt với mức nỗ lực thành đạt là 0,358; $p < 0,01$; với tính ganh đua là 0,294; $p < 0,01$, còn hệ số tương quan giữa xúc cảm liên quan đến thành tích với mức nỗ lực thành đạt là 0,292; $p < 0,01$; với tính ganh đua là 0,311; $p < 0,01$). Điều này có nghĩa là những người có khát vọng thành đạt cao, có những trải nghiệm xúc cảm mạnh mẽ liên quan đến thành tích có nhiều khả năng là những người rất nỗ lực trong công việc và muốn trở thành

những người dẫn đầu và ngược lại. Song khi so sánh những khía cạnh này ở hai nhóm khách thể có hiệu quả làm việc khác nhau ⁽¹⁾ là sinh viên học tại khoa kỹ sư tài năng và sinh viên học ở các lớp bình thường thì thấy rằng họ không khác nhau về khát vọng thành đạt và những xúc cảm liên quan đến thành tích, mà chỉ khác nhau ở mức có nghĩa về mặt thống kê về tính ganh đua ($p < 0,01$) và mức nỗ lực thành đạt ($p < 0,001$). Điều này cho thấy rằng khi nghiên cứu ĐCTĐ của những nhóm khách thể mà nhà nghiên cứu quan tâm thì việc chỉ tìm hiểu khát vọng thành đạt và những xúc cảm liên quan đến thành tích của họ là chưa đủ. Cần phải xem xét cả khía cạnh lực của những khát vọng đó, có nghĩa là xem những khát vọng đó có thật sự thôi thúc chủ thể hoạt động để đạt những khát vọng đó không và độ mạnh của lực thúc đẩy đó đến đâu.

Sơ đồ 1. Hệ số tương quan r Serman giữa các khía cạnh khác nhau liên quan đến ĐCTĐ



Ghi chú: ** khi $p < 0,01$

Theo các kết quả khảo sát của chúng tôi các khách thể tham gia khảo sát đều có khát vọng thành đạt khá cao và họ trải nghiệm những trạng thái xúc cảm mạnh mẽ khi có thành tích hoặc thất bại (các điểm trung bình tương ứng là 4,09 và 4,14 - thang điểm từ 1 đến 5, với 5 là điểm cao tối đa). Họ là những người có cách nhìn nhận rằng nếu con người không có khát vọng thành đạt thì cuộc sống sẽ kém phần thú vị. Họ có xu hướng đánh giá rất cao những người thành đạt trong nghề nghiệp và muốn giống những người như thế. Mỗi khi hoàn thành một công việc khó khăn hoặc khi công việc diễn ra trôi chảy thì họ trải nghiệm những tâm trạng thật dễ chịu và cảm thấy như được tăng thêm sức mạnh. Trong khi đó tính ganh đua và mức nỗ lực thành đạt của họ chỉ ở mức trung bình (các điểm trung bình tương ứng là 3,37 và 3,61). Họ thích được làm việc trong không khí thi đua và khi bị thất bại thì cảm thấy thua kém người khác, song lại không quá để cao sự thắng cuộc. Họ cũng là những người luôn phấn đấu làm tốt công việc của mình, quyết tâm đạt những mục tiêu đề ra, nhưng không phải với mức nỗ lực cao nhất để đạt được những gì mà họ có thể đạt. Trên thực tế nếu như khát vọng thành đạt và những xúc cảm liên quan đến thành tích là những khía cạnh mang

đậm tính chủ quan thì nỗ lực thành đạt thể hiện trong hoạt động thực tiễn lại chịu sự chi phối mạnh mẽ của những nhân tố khách quan, chẳng hạn, những điều kiện sống khách quan có thôi thúc con người biến những khát vọng thành đạt chủ quan thành hiện thực hay không. Ngoài ra, những khác biệt trong mức độ thể hiện những khía cạnh nêu trên còn có thể là một sự biểu hiện tâm lý nhóm, tâm lý dân tộc đã được định hình trong thời gian dài.

Những kết quả khảo sát của chúng tôi cũng cho thấy nếu như mục đích cố gắng không có tương quan có nghĩa về mặt thống kê với tính ganh đua thì đặc điểm này lại có tương quan thuận với khát vọng thành đạt ($r = 0,305$; $p < 0,01$), với xúc cảm liên quan đến thành tích ($r = 0,217$; $p < 0,01$) và với nỗ lực thành đạt ($r = 0,422$; $p < 0,01$). Những số liệu này cho thấy những người cố gắng vì mục đích vươn tới thì thường là những người có khát vọng thành đạt cao, rất nỗ lực trong hoạt động thực tiễn nhằm đạt những mục đích của mình và họ thường trải nghiệm những xúc cảm mạnh mẽ khi đạt thành tích. Ngược lại, ở những người thiên về mục đích né tránh thất bại khát vọng thành đạt cũng như mức nỗ lực thành đạt của họ thấp hơn, song lại có những trải nghiệm xúc cảm âm tính mạnh khi bị thất bại.

Tuy nhiên, khi so sánh hai nhóm khách thể là sinh viên tài năng và sinh viên ở các lớp bình thường chúng tôi không tìm thấy trong khía cạnh này có những khác biệt có nghĩa về mặt thống kê. Nhìn chung những khách thể tham gia khảo sát là những người vừa có mục đích vươn tới, vừa có mục đích né tránh thất bại, dù có hơi thiên về mục đích vươn tới (Điểm trung bình thể hiện khía cạnh này là 3,76). Có thể đây cũng là một khía cạnh thể hiện đặc điểm tâm lý nhóm, hay

đặc điểm tâm lý dân tộc.

Lượng mẫu khách thể trong nghiên cứu này của chúng tôi tương đối nhỏ, nên các kết quả thu được chỉ có ý nghĩa như là cơ sở định hướng cho những nghiên cứu tiếp theo. Những kết quả phân tích tương quan và những kết quả thu được khi so sánh hai nhóm khách thể có hiệu quả làm việc khác nhau cho thấy rằng khi nghiên cứu ĐCTĐ cần tìm hiểu từng khía cạnh biểu hiện của nó. Chỉ khi đó người nghiên cứu mới thấy hết được những nét đặc trưng của từng nhóm khách thể, đặc biệt là những nhóm khách thể có lối sống văn hoá khác nhau. Ngoài ra, việc tìm hiểu các khía cạnh biểu hiện khác nhau của ĐCTĐ cũng sẽ cung cấp cho chúng ta cơ sở khoa học để có thể xây dựng các biện pháp khuyến khích con người làm việc tốt hơn. ♣

Chú thích

1. Do nhiều nguyên nhân hạn chế, để so sánh các khía cạnh biểu hiện ĐCTĐ của những nhóm khách thể có mức độ thành đạt khác nhau chúng tôi đã chọn các sinh viên năm thứ 4, 5 học tại khoa Kỹ sư tài năng (Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học Quốc gia Hà Nội) và các sinh viên năm thứ 4 học ở các lớp bình thường (Đại học Quốc gia Hà Nội). Sinh viên học ở khoa Kỹ sư tài năng được xem là đạt thành tích trong học tập cao hơn sinh viên các lớp bình thường (Đối với sinh viên tài năng, cuối mỗi năm học, nếu không đạt được kết quả học tập tốt như quy định của khoa thì sẽ phải chuyển xuống học ở các lớp bình thường).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.N.Lêônchiép. *Hoạt động, ý thức, nhân cách*. NXB Chính trị, Mátxcova, 1977.
2. Poll Phres, J.Piaget. *Tâm lý học thực nghiệm*. NXB Tiến bộ, Mátxcova, tập 5, 1975.
3. Ronald E.Smith. *Psychology*. West publishing Company, 1993.